TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 4

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 96 185 429 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 96 000 000 **B.** 96 100 000 **C.** 96 190 000 **D.** 96 200 000

Câu 2. *(0,5 điểm)* Trong số 9 641 108, chữ số 6 thuộc hàng nào, lớp nào?

A. hàng trăm nghìn, lớp triệu **B.** hàng triệu, lớp nghìn

C. hàng trăm nghìn, lớp nghìn **D.** hàng chục nghìn, lớp nghìn

Câu 3. *(0,5 điểm)* Có bao nhiêu số chẵn từ 50 679 đến 50 709?

A. 16 **B.** 30 **C.** 14 **D.** 15

Câu 4. *(0,5 điểm)* Hình chữ nhật có chu vi 64 cm, chiều dài hơn chiều rộng 10 cm. Chiều dài hình chữ nhật là:

A. 23 cm **B.** 21 cm **C.** 37 cm **D.** 11 cm

Câu 5. *(0,5 điểm)* Lan mua 8 quyển truyện, mỗi quyển giá 12 000 đồng và 2 cái bút, mỗi cái giá 7000 đồng. Lan đưa cô bán hàng 200 000 đồng. Cô bán hàng trả lại Lan:

A. 97 000 đồng **B.** 104 000 đồng **C.** 90 000 đồng **D.** 110 000 đồng

Câu 6. *(0,5 điểm)* 7000 kg = ……. tấn

A. 70 **B.** 8 **C.** 7 **D.** 700

Câu 7. *(0,5 điểm)* Chiến thắng Điện Biên Phủ vào năm 1954. Tính đến năm 2026 đã được bao nhiêu năm?

A. 62 **B.** 73 **C.** 72 **D.** 172

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình bình hành ABCD có AB = 29 cm, BC = 10 cm. Chu vi hình bình hành là:

A. 290 cm **B.** 116 cm **C.** 78 cm **D.** 39 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho dãy số: 3, 7, 11, 15, ……, 195. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có ……. số

b) Số thứ 17 của dãy là: …….

Câu 10. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) 8830 + 557 + 443 = …….

b) 6714 + 7603 − 714 = …….

c) 656 + 6102 + 44 = …….

Câu 11. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 3 tấn 50 kg …… 3500 kg

b) 4 m^2 50 dm^2 …… 450 dm^2

c) 5 thế kỉ …… 500 năm

d) 838 659 …… 838 669

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 4 tấn 78 kg = …… kg

b) 9 tạ = …… yến

c) 3 m^2 30 dm^2 = …… dm^2

d) 2 phút 40 giây = …… giây

Câu 13. *(1 điểm)* Hình bình hành ABCD có cạnh AB = 27 cm, cạnh BC = 25 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Chu vi hình bình hành: …… cm

b) Cạnh DC dài: …… cm

c) Cạnh AD dài: …… cm

Câu 14. *(1 điểm)* Một cửa hàng có 14 thùng sữa, mỗi thùng 12 hộp. Cửa hàng đã bán 108 hộp, số hộp còn lại xếp đều vào 4 kệ. Hỏi mỗi kệ có bao nhiêu hộp sữa?

a) Cửa hàng có: …… hộp

b) Còn lại: …… hộp

c) Mỗi kệ có: …… hộp

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 4

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	D	B	C	C	C	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) (195 − 3) : 4 + 1 = 49 (số)

b) 3 + (17 − 1) × 4 = 67

Câu 10.

a) 8830 + (557 + 443) = 8830 + 1 000 = 9830

b) (6714 − 714) + 7603 = 6000 + 7603 = 13 603

c) (656 + 44) + 6102 = 700 + 6102 = 6802

Câu 11.

a) 3050 < 3500

b) 450 = 450

c) 500 = 500

d) 838 659 < 838 669

Câu 12.

a) 4000 + 78 = 4078

b) 1 tạ = 10 yến: 90

c) 300 + 30 = 330

d) 2 × 60 + 40 = 160

Câu 13.

a) (27 + 25) × 2 = 104 (cm)

b) DC = AB = 27 cm

c) AD = BC = 25 cm

Câu 14.

Có: 14 × 12 = 168 (hộp)

Còn lại: 168 − 108 = 60 (hộp)

Mỗi kệ: 60 : 4 = 15 (hộp)